

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 9 - 2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Vượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Oanh và ông Cầm Xuân Xanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự.

NguY đơn: Chị Lò Thị Y, sinh năm 1987 - (Có mặt)

Nơi cư trú: Bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Lò Văn X, sinh năm 1986- (Vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguY đơn là chị Lò Thị Y trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Y và anh Lò Văn X tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2006 tại UBND xã Pha Mu, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn sinh sống tại Bản K, xã Pha Mu, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu). Trong quá trình chung sống anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn mười năm. Đến khoảng cuối năm năm 2016 thì vợ chồng anh, chị phát sinh mâu

thuần nguY nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống anh X thường xuY uống rượu say, đòi mỗ vịt, mỗ gà, chị Y không đồng ý thì anh X chửi mắng và đánh đập chị Y, công việc gia đình anh X không quan tâm không làm giúp chị Y việc nhà. Từ đó mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Từ tháng 6 năm 2019 đến nay anh chị đã không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Y xác định mâu thuẫn giữa chị và anh X đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn X.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Y và anh X có hai con chung chưa thành niên là Lò Văn T, sinh ngày 13/9/2006 và Lò Thị C, sinh ngày 05/10/2009. Trong thời gian chị Y và anh X không sống chung thì cháu Lò Thị C ở cùng với chị Y, cháu Lò Xuân T ở với anh X. Sau khi ly hôn, chị Y có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên là Lò Văn T, sinh ngày 13/9/2006 và Lò Thị C, sinh ngày 05/10/2009 cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Y không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Y đã nộp cho Tòa án; Giấy chứng nhận kết hôn số: 19, được UBND xã Pha Mu cấp ngày 12/10/2006 mang tên Lò Văn X và Lò Thị Y (bản chính); Sổ hộ khẩu chủ hộ Lò Văn X (bản phô tô chứng thực); Chứng minh thư nhân dân tên Lò Thị Y (bản phô tô chứng thực); Chứng minh thư nhân dân tên Lò Văn X (bản phô tô chứng thực); Giấy khai sinh tên Lò Văn T, sinh ngày 13/9/2006 (bản phô tô chứng thực); Giấy khai sinh tên Lò Thị C, sinh ngày 05/10/2009 (bản phô tô chứng thực); Đơn xin xác nhận năm sinh của chị Y và anh X có xác nhận của UBND xã T việc giao nộp tài liệu, chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Lò Văn X được Tòa án giao nhận thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập, sau khi nhận được anh X không có ý kiến gì cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có yêu cầu độc lập. anh X không chấp hành cố tình trốn tránh không đến tòa không thực đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố dân sự.

Đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện T quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa ngày 27/8/2020 anh X vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở phiên tòa vào ngày hôm nay 24/9/2020, anh X vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, chị Lò Thị Y giữ nguY yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn X.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đối với bị đơn anh Lò Văn X từ khi thụ lý vụ án cho đến nay anh X không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 266; 267- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đề nghị Hội đồng xét xử thụ lý xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị Y ly hôn với anh Lò Văn X.

Về con chung: Giao cho chị Lò Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lò Văn T, sinh ngày 13/9/2006 và Lò Thị C, sinh ngày 05/10/2009 cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Do chị Y không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh X cho đến khi chị Y có yêu cầu hoặc có sự thay đổi Kc.

Về tài sản chung: Chị Lò Thị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: tại phiên tòa chị Lò Thị Y xin Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, xét đề nghị của nguyên đơn là có cơ sở vì chị Y sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, do vậy đề HĐXX áp dụng Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị Y

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung giữa nguyên đơn chị Lò Thị Y và bị đơn anh Lò Văn X có nơi cư trú tại bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lò Văn X đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được

anh Lò Văn X có hộ khẩu tại bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Hiện anh X có mặt ở nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án về việc giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 27 tháng 8 năm 2020 Tòa án đã niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh X vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày hôm nay Tòa án đã niêm yết hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa nhưng anh X vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Lò Văn X.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguY đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải như vậy nguY đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] - Về tình trạng hôn nhân: Xét cuộc hôn nhân giữa chị Lò Thị Y và anh Lò Văn X là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Pha Mu, huyện T, tỉnh Lai Châu ngày 12/10/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng có 02 con chung và chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguY nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung chị Y đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 6/2019 kể từ đó anh chị sống ly thân. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Y vẫn giữ nguY quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X, anh Lò Văn X vắng mặt không có lý do. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Y, anh X đã thật sự trầm trọng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là có thật và vợ chồng đã ly hôn, cắt đứt mọi tình cảm không còn đi lại, **quan tâm gì đến nhau nữa**, đời sống chung chấm dứt mục đích hôn nhân không còn. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị Y, xử cho chị Lò Thị Y được ly hôn với anh Lò Văn X theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị Y xin ly hôn với anh Lò Văn X.

[5]. Về con chung: Chị Y và anh X có hai con chung, cháu Lò Văn T, sinh ngày 13/9/2006, cháu Lò Thị C, sinh ngày 05/10/2009. Trong thời gian chị Y và anh X không sống chung thì cháu Lò Thị C ở cùng với chị Y và cháu Lò Văn T ở với anh X. Do anh X thường xuY vắng nhà nên việc chăm sóc cháu T không thể đảm bảo nên chị Y đề nghị Hội đồng xét xử được nuôi cả hai con chung. Xét thấy quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh X vắng mặt, mặc dù cháu T có nguyện vọng ở với bố nhưng do anh X vắng mặt, để đảm bảo mọi mặt quyền lợi của con chưa thành niên khi chưa có ý kiến của anh X. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung là Lò Văn T, sinh ngày 13/9/2006 và Lò Thị C, sinh ngày 05/10/2009 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị Y không có yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh X cho đến khi chị Y có yêu cầu hoặc có sự thay đổi Kc.

[6]. Về tài chung và các quyền và nghĩa vụ liên quan tới tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: NguY đơn chỉ Lò Thị Y được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; các Điều 143; 147 Điều 227; Điều 266; Điều 267 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TuY xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn, xử cho chị Lò Thị Y ly hôn với anh Lò Văn X.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lò Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lò Văn T, sinh ngày 13/9/2006 và Lò Thị C, sinh ngày 05/10/2009 cho đến hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi Kc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Y không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh X cho đến khi chị Y có yêu cầu hoặc có sự thay đổi Kc.

Anh X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Y. Chị Y có quyền yêu cầu anh X cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho nguY đơn là chị Lò Thị Y

Trả lại cho chị Lò Thị Y tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0000168 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tỉnh Lai Châu.

4. Về quyền Kng cáo: NguY đơn có mặt có quyền Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án. Bị đơn vắng mặt có quyền Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Than Uyên
- Chi cục THA dân sự huyện T
- Các đương sự
- UBND xã Pha Mu;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Vượng